

TỔNG HỢP QUY ĐỊNH CHUNG VỀ ĐỊNH DẠNG BÀI VIẾT

Khổ giấy: 19 cm x 26.5 cm

Lề: Top: 2 cm, Bottom: 2 cm, Inside: 2.5 cm, Outside: 2 cm; Mirror margins

Font: Times New Roman, Bảng mã Unicode với kích thước và sắp xếp như sau:

Các đề mục	Cỡ chữ	Kiểu chữ	Can dòng/bố trí
Tiêu đề	12pt	BOLD	Centered
Tác giả, địa chỉ	11pt	Bold, Normal	Right
Tóm tắt	10pt	Normal	Justified
Từ khóa	10pt	Normal	Left
Tên tiểu mục mức 1	11pt	BOLD	Left
Tên tiểu mục mức 2	11pt	Bold	Left
Tên tiểu mục mức 3	11pt	<i>Italic</i>	Left
Nội dung (Text)	11pt	Normal	Justified
Tên khoa học loài (species) và chi (genus)		<i>Italic</i>	
Tên tác giả viết kèm tên khoa học loài, chi		Normal	
Tên khoa học từ cấp độ họ (familia) trở lên		Normal	
Tên bảng (table)	10pt	Bold. normal	Centered, trên bảng
Chú thích bảng	9pt	<i>Italic</i>	Centered, dưới bảng
Tên hình	10pt	Bold. normal	Centered, dưới hình
Ghi chú	10pt	<i>Italic</i>	Justified, cuối trang
Lời cảm ơn	11pt	Normal	Justified
Tài liệu tham khảo	10pt	Normal	Justified
Abstract (tiếng Anh)	10pt	Normal	Justified

HƯỚNG DẪN VIẾT BÀI DĂNG TRÊN TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, ĐẠI HỌC HUẾ

Phạm Hữu Ty¹, Trần Văn An², Nguyễn Thị Bình²

¹Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế;

²Khoa Công nghệ, trường Đại học Cần Thơ.

Liên hệ email: phamhuuty@huaf.edu.vn

TÓM TẮT

Phần này nêu tóm lược mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu, kết quả chính và tính mới của đề tài; được soạn bằng mã Unicode, font Times New Roman dài không quá **250 từ**, cỡ chữ **10**. Phần tóm tắt và từ khóa được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Phần tiếng Việt được đặt ở đầu bài báo và tiếng Anh được đặt ở cuối bài báo. Phần tóm tắt tóm lược toàn bộ nội dung bài báo, có câu mở đầu, phương pháp nghiên cứu và tính mới trong kết quả của đề tài.

Từ khóa: cỡ chữ 10, ít nhất 3, nhiều nhất 5 từ, theo thứ tự alphabet.

Nhận bài: 30/04/2018

Hoàn thành phản biện: 23/05/2018

Chấp nhận bài: 30/05/2018

QUY ĐỊNH CHUNG

Toàn bộ bài viết (bằng tiếng Việt) phải được soạn trên 1 cột, dài không quá 10 trang kể cả bảng, hình và tài liệu tham khảo (TLTK). Các nội dung được soạn bằng mã Unicode, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 11 (trừ phần tóm tắt, danh mục TLTK và mục quy định bên dưới). Áp dụng giãn cách dòng **Multiple 1.1**, cách đoạn **3 pt** phía trên (Before) và **3 pt** phía dưới (After). Đối với dòng đầu tiên của mỗi đoạn, đặt chế độ thụt vào 1 tab bằng **1,27 cm**. Can lề thẳng hai bên (Justify text).

1. MỞ ĐẦU

Trong phần “Mở đầu” nêu tổng quan nghiên cứu của đề tài: có từ 3 ý tổng quan tham khảo từ các nguồn tài liệu tham khảo; lý do nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu và những vấn đề mà tác giả cần giải quyết. Trong phần này tác giả phải trích dẫn TLTK đầy đủ và trích dẫn theo đúng quy định kèm theo ở phần Phụ lục.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phần này phải làm rõ nội dung nghiên cứu, phương pháp lý thuyết và thực nghiệm cũng như các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm, vật liệu, hoá chất, mẫu... được sử dụng trong nghiên cứu. Tác giả phải trình bày chính xác, đầy đủ và ngắn gọn các thông tin liên quan. Trong phần này tác giả phải trích dẫn TLTK đầy đủ và trích dẫn theo đúng quy định như đề cập ở trên. (Xem cách trích dẫn TLTK ở Phụ lục)

2.1. Quy định về các từ viết tắt

Các từ viết tắt được sử dụng khi chúng được dùng tối thiểu 3 lần trong bài báo. Từ viết tắt phải được định nghĩa hoặc chú thích ngay khi chúng xuất hiện lần đầu tiên trong văn bản. Nếu một từ viết tắt đã được định nghĩa trong phần “Tóm tắt”, nó vẫn cần thiết được định nghĩa lại trong lần xuất hiện ngay sau đó. Đối với các từ viết tắt là các thuật ngữ chuyên môn thông dụng như SI, ac, dc, sin, cos, GDP, DNA; những chữ đã được phổ biến như tên các tổ chức quốc tế và quốc gia WHO, UNDP, USA... tác giả không cần phải định nghĩa.

2.2. Các khuyến nghị khác

Sử dụng số “0” trước dấu thập phân: dùng “0,25” thay vì “,25”; Dùng “cm³” thay vì dùng “cc”. Khi biểu diễn một khoảng giá trị, tác giả nên viết “từ 5 đến 9” hoặc “5 – 9” thay vì “5 ~ 9” hoặc “5 ÷ 9”.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Phần này trình bày các kết quả qua các bảng số liệu và hình vẽ (sơ đồ, bản vẽ, đồ thị, bản đồ và biểu đồ). Các kết quả cần được biểu diễn một cách rõ ràng, có tính logic để làm rõ các nội dung nghiên

cứu. Hình vẽ phải được thiết kế rõ ràng và dễ hiểu. Các tiêu đề và chú thích trên hình vẽ, bảng biểu cần ngắn gọn nhưng cung cấp đầy đủ thông tin liên quan.

Đi kèm các kết quả là thảo luận hay giải thích, biện minh và kết luận/nhận xét từ các kết quả nghiên cứu của tác giả (có thể so sánh/đối chiếu với các kết quả nghiên cứu trước đó). Trong phần này, cách trích dẫn TLTK vẫn tương tự như đề cập ở dưới.

Phần này thông thường có nhiều nội dung, nên có thể được chia thành nhiều mục, mỗi mục có thể chia thành các tiểu mục. Đánh số mục bằng 2 chữ số (tức 3.1, 3.2,...) và in đậm. Tiểu mục được đánh số bằng 3 chữ số (tức là 3.1.1., 3.1.2,...) có cỡ chữ 11, font Times New Roman và được in thường. Trong phần này cần tuân thủ các quy định về công thức, đơn vị, hình vẽ và bảng biểu như dưới đây.

3.1. Quy định về công thức toán học

Các công thức toán học được soạn bằng *Microsoft Equation Editor*. Các kí hiệu trong công thức cần định nghĩa trước hoặc ngay phía sau của công thức. Lưu ý, các công thức giống nhau hoàn toàn chỉ được xuất hiện một lần trong văn bản. Trong đó, mỗi công thức được đánh dấu bằng số thứ tự xuất hiện của công thức đó. Số thứ tự này được đặt trong ngoặc đơn, vị trí của công thức được đặt lại ở giữa hàng như sau:

$$\int_0^{r_2} F(r, \varphi) dr d\varphi = [\sigma r_2 / (2\mu_0)] \quad (1)$$

Trong đó, $F(r, \varphi)$: hàm số....; r : bán kính.... (cm);...

$$X(\%) = (a.100) / m \quad (2)$$

Trong đó, $X(\%)$: hàm lượng chất trong mẫu; a : lượng chất (g); m : lượng mẫu (g)

3.2. Quy định về đơn vị

Tất cả các đơn vị đo đều được đặt sau con số và cách ra một ký tự trắng, trừ đơn vị phần trăm (%) và đơn vị nhiệt độ celcius (°C), chẳng hạn: 20 m, 125 mg/L, 12 kg, 150 người, 12 mA; 20% và 30°C. Đối với đơn vị thể tích (lít, mililit...), nên ký hiệu bằng chữ in hoa (CAPITAL LETTER) để tránh nhầm với con số 1, chẳng hạn, nên biểu diễn là 2 mg/L; 5,0 mL; 3,2 L (không nên biểu diễn là 2 mg/l; 3,2 l...).

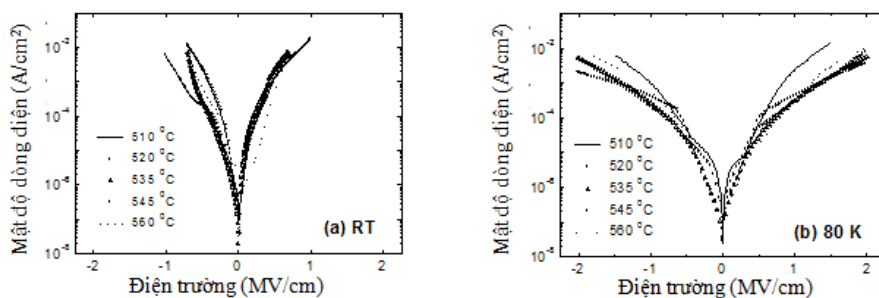
Tác giả cần tránh dùng kết hợp cả hai hệ đơn vị khác nhau trong cùng một bài báo, chẳng hạn dòng điện có đơn vị Ampe (A) trong hệ SI, nhưng từ trường lại có đơn vị Oersted (Oe) trong hệ CGS. Điều này sẽ dễ dẫn đến hiểu nhầm vì các hệ đơn vị khác nhau không thể nằm trong cùng một phương trình, ngoại trừ tác giả đã chuyển đổi đơn vị từ trước.

Đối với các đại lượng được xác định bằng tích số của hai hoặc nhiều đại lượng đo cơ bản trong hệ SI, chẳng hạn như thông lượng điện được tính bằng tích số của cường độ dòng điện I (A) và khoảng thời gian t (s) mà nó chảy qua một tiết diện. Khi đó, việc biểu diễn đơn vị của thông lượng cần sử dụng dấu chấm để tách biệt các đơn vị thành phần "A.s".

3.3. Quy định về hình vẽ, biểu bảng

3.3.1. Hình vẽ

Hình vẽ (bao gồm sơ đồ, bản vẽ, đồ thị và biểu đồ) được can giữa, xung quanh hình không có đường viền. Hình phải rõ nét với độ phân giải **400 dpi**. Do bài viết chỉ được in đen trắng, nên các đường biểu diễn trong cùng một hình vẽ cần được phân biệt bằng các dạng đường khác nhau như trong hình 1. Nếu hình vẽ đã sẵn có màu sắc khác đen và trắng, tác giả cần chuyển sang chế độ màu Grayscale bằng cách click chuột phải để chọn Format Object → Picture → Color → Grayscale để tạo sự tương phản cho hình vẽ. Chú ý rằng, đối với các hình vẽ được cấu tạo bằng các Text box, việc áp dụng chuyển đổi theo cách trên sẽ không thực hiện được. Khi đó, cần format nội dung từng Text box theo màu sắc đen trắng. Nếu thao tác rườm rà hoặc không thực hiện được, có thể chuyển hình vẽ gốc sang file dạng ảnh, sau đó thực hiện chuyển sang chế độ màu Grayscale như đã nêu ở trên.



Hình 1. Đặc tính J-E của màng mỏng sắt điện PZT được chế tạo bằng phương pháp nung nhanh tại nhiệt độ 510, 520, 535, 545 và 560°C, được đo tại (a) nhiệt độ phòng và (b) 80 K.

Hình vẽ được đánh số thứ tự theo chữ số Hy Lạp, chẳng hạn Hình 1, Hình 2,... Chữ Hình 1, Hình 2,... được in nghiêng, đậm. Sau chữ **Hình 1, Hình 2...** là dấu chấm ngăn cách“.”, rồi cách ra 1 ký tự, tiếp theo là tên hình, không nghiêng, cỡ chữ 10. Số thứ tự và tên hình được đặt dưới hình và được can giữa. Dưới hình là chú thích hình, ghi các điều kiện thí nghiệm, điều kiện đo hoặc thông tin mô tả chi tiết thêm về hình và được in nghiêng, cỡ chữ 10.

3.3.2. Bảng

Bảng được đánh số thứ tự theo chữ số Hy Lạp, chẳng hạn Bảng 1, Bảng 2... Chữ Bảng 1, Bảng 2,... được in nghiêng, đậm. Sau chữ **Bảng 1, Bảng 2...** là dấu chấm ngăn cách“.”, rồi cách ra 1 ký tự, tiếp theo là tên bảng, không nghiêng, cỡ chữ 10. Số thứ tự và tên bảng được đặt trên bảng và được can giữa. Dưới bảng là chú thích của bảng (cỡ chữ 9, in nghiêng), ghi các điều kiện thí nghiệm, điều kiện đo hoặc thông tin mô tả chi tiết thêm về bảng.

Bảng 1. Chỉ tiêu tuyển sinh đầu vào một số ngành ở trường ĐHKH Huế năm 2014*

Ngành học	Mã ngành	Khối thi	Chỉ tiêu
Vật lý học	440102	A	60
Công nghệ thông tin	480250	A	250
Hoá học	440112	A và B	70
Kiến trúc	580102	V*	180

* Môn Toán có hệ số 1,5; Vật lý: 1,0; Vẽ mỹ thuật: 1,5 trong đó tỷ lệ Vẽ MT1/Vẽ MT2 là 6/4.

Giữa tên bảng và bảng cách nhau 3 pt. Chú thích của bảng (nếu có) được đặt sát ở phía dưới bảng, Giữa chú thích và bảng cách nhau 3 pt, cỡ chữ 9 và in nghiêng. Bảng chỉ kẻ các đường trên và dưới bảng (1/2 pt) và đường dưới hàng tiêu đề (1/2 pt). Cỡ chữ của bảng là 10. Khoảng cách các hàng trong bảng là dòng đơn (single), ví dụ như ở Bảng 1.

3.3.3. Bản đồ

Phải theo quy định vẽ kỹ thuật, có tỷ lệ, chỉ hướng trên bản đồ. Hình phải rõ nét với độ phân giải **400 dpi**. Nếu hình vẽ đã sẵn có màu sắc khác đen và trắng, tác giả cần chuyển sang chế độ màu Grayscale bằng cách click chuột phải để chọn Format Object → Picture → Color → Grayscale để tạo sự tương phản cho hình vẽ.

4. KẾT LUẬN

Phần này đưa ra những kết luận và đánh giá chung từ kết quả nghiên cứu, nêu ra các hạn chế của nghiên cứu và những định hướng nghiên cứu tiếp theo. Định dạng văn bản như các phần trên.

LỜI CẢM ƠN

Phần này có thể có hoặc không và thường chỉ ngắn gọn trong 2-3 dòng. Nếu có, là lời cảm ơn hoặc thông tin các tổ chức, đơn vị đã tài trợ kinh phí, tạo điều kiện cho nghiên cứu; các cá nhân đã hỗ trợ nghiên cứu. Định dạng văn bản như các phần trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Quy định về trích dẫn TLTK

Tạp chí sử dụng trích dẫn tài liệu của Hiệp hội Tâm lý Hoa Kỳ (The American Psychological Association – ký hiệu là APA) như sau:

a. Trích dẫn tài liệu sơ cấp

Trích trực tiếp các cụm từ trong tài liệu có 5 từ trở lên hoặc cả đoạn văn (cần để trong ngoặc kép các cụm hoặc đoạn văn đó và phải ghi số trang phía sau:

+ **Trích dẫn những đoạn ngắn (short quotations):** nếu trích dẫn ít hơn 40 từ thì phải đặt chúng trong dấu ngoặc kép “ ” và ghi rõ số trang; ví dụ:

Theo Nguyễn Hồng Phan (2014) giá trị nghề nghiệp là “những cái có ý nghĩa đối với hoạt động nghề nghiệp cũng như cuộc sống của chủ thể, cuốn hút họ vươn tới và thôi thúc hành động vì nó” (tr.314).

+ **Trích dẫn những đoạn dài (long quotations):** nếu trích dẫn từ 40 từ trở lên thì cả đoạn được định dạng 5 spaces từ lề trái và được trình bày như sau:

.....Theo Phan Thanh Long và Nguyễn Văn Diện (2010): Quá trình giáo dục là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục nhằm thỏa mãn nhu cầu phát triển nhân cách riêng của mỗi học sinh và đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn lực của xã hội. (tr.7)

+ **Trích dẫn ý trong bài viết**

Đối với trích dẫn có một tác giả:

Theo Schultz (1962), xem nhẹ vốn con người là một sai lầm nghiêm trọng trong kinh tế học giáo dục hoặc Xem nhẹ vốn con người là một sai lầm nghiêm trọng trong kinh tế học giáo dục (Schultz, 1962) hoặc Schultz (1962) nhận thấy rằng xem nhẹ vốn con người là một sai lầm nghiêm trọng trong kinh tế học giáo dục.

Lưu ý:

+ Khi tác giả chỉ đề cập dựa vào ý kiến của người khác chứ không ý kiến hay nhận xét của chính tác giả thì phải dùng từ xem; ví dụ:

Trình độ học vấn và thu nhập có mối tương quan rất mạnh (xem Shultz, 1962).

+ Nếu tác giả có nhiều công trình trong cùng năm thì phải để a, b, c, v.v. sau năm xuất bản:

Theo Dương Minh Quang (2013a, 2013b), cho rằng ảnh hưởng của việc học tập ở nhà trường đến hiệu quả giải quyết vấn đề của sinh viên đại học Việt Nam đạt từ mức trung bình đến cao.

Đối với trích dẫn từ hai và ba tác giả:

+ Vấn đề định hướng giá trị lối sống đã được nhiều tác giả phân tích (Nguyễn Hồng Phan, 2006; Bùi Văn Hiệp, 2014).

+ Theo Nguyễn Hồng Phan (2006) và Bùi Văn Hiệp (2014), vấn đề định hướng giá trị lối sống đã được nhiều tác giả phân tích

+ Nguyễn Hồng Phan (2006) và Bùi Văn Hiệp (2014) nhận thấy rằng vấn đề định hướng giá trị lối sống đã được nhiều tác giả phân tích

Đối với một bài viết từ 3 tác giả trở lên (trích dẫn tên người đứng đầu và cs., phần tài liệu tham khảo trích đầy đủ tất cả các tác giả):

Tổng sự hài hòa trong xã hội trong nghiên cứu của Green và cs. (2003) gồm các yếu tố như niềm tin vào thể chế xã hội (như tính dân chủ), hợp tác dân sự (như thái độ đối với gian lận thuế và giao thông công cộng), và tội phạm bạo lực. Ở cấp độ cá nhân, lý thuyết về vốn xã hội cho rằng sự hài hòa xã hội gồm các yếu tố như mức độ liên hợp (mức độ hình thành các tổ chức, hiệp hội, v.v.), hợp tác dân sự, tham gia chính trị, niềm tin, và sự khoan dung. Tuy nhiên, các yếu tố này khi được xét ở cấp độ quốc gia thì không thống nhất nhau. Ví dụ Hoa Kỳ có mức độ liên hợp cao nhưng niềm tin lại thấp trong khi các quốc gia trên bán đảo Scandinavia như Đan Mạch thì ngược lại (Inglehart, được trích trong Green và cs, 2003).

b. Trích dẫn tài liệu thứ cấp:

Người khác đã trích của tác giả A và mình đọc bài của người khác nhưng muốn trích ý của tác giả A đó thì được trích như sau:

Theo Phan Văn Kha Và Nguyễn Lộc (được trích dẫn bởi Bùi Chí Bình, 2014), thì nền tảng của kinh tế học giáo dục là giáo dục học và kinh tế học.

Lưu ý: số năm trong trích dẫn là số năm của tác giả trích dẫn (Bùi Chí Bình), chứ không phải của tác giả được trích dẫn. Tất nhiên, có nhiều cách diễn đạt ngoài cụm từ “Theo...” hoặc “Dẫn theo...”

• **Liệt kê tài liệu tham khảo trong bài viết bằng tiếng Anh**

+ **Sắp xếp tài liệu theo thứ tự Alphabet họ của tác giả.**

+ **Sách nguyên tác (Books)**

Alderfer, C. P. (1972). *Existence, relatedness, and growth*. New York: Free Press.

Alderfer, C. P. & Jones, A. L. (2000). *Existence, relatedness, and growth* (5th ed.). New York: Free Press.

Lưu ý: nếu có nhiều tác giả trong một bài viết thì không được trình bày theo kiểu:

~~Hair, J. F., et al. (2006). *Multivariate data analysis*. New Jersey: Prentice Hall.~~

Mà phải trình bày như sau:

Hair, J. F., Anderson, R. E., Rones, D. E., Tatham, R. L., & Black, W. C. (2006). *Multivariate data analysis*. New Jersey: Prentice Hall.

+ **Sách được biên tập lại (edited books):** sách gồm các bài viết của nhiều tác giả được chỉnh các tác giả đó hoặc/và người khác biên tập lại)

Creswell, J. W., & Hanson, W. (2003). Advanced mixed method research designs. In A. L. Tashakkori & C. Teddlie (Eds.), *Handbook on mixed methods in the behavioral and social sciences* (pp. 209-240). Thousand Oaks, CA: Sage.

+ **Tạp chí khoa học (journal articles)**

Johnsrud, L. K., & Rosser, V. J. (2002). Faculty members' morale and their intention to leave: A multilevel explanation. *Journal of Higher Education*, 73(4), 518-542.

Johnsrud, L. K., & Rosser, V. J. (2002). Faculty members' morale and their intention to leave: A multilevel explanation. *Journal of Higher Education*, 73(4), 518-542. doi: 10.1037/07898.23.78

+ **Tạp chí/ báo in (printed magazine or newspaper articles)**

Carey, K. B., Scott-Sheldon, L. A. J., Carey, M. P., & DeMartini, K. S. (2007). Individual-level interventions to reduce college student drinking: A meta-analytic review. *Addictive Behaviors*, 32(11), 2469-2494. doi:10.1016/j.addbeh.2007.05.004

Wadee, A. A., Kuschke, R. H., Kometz, S., & Berk, M. (2001). Personality factors, stress and immunity. *Stress & Health: Journal of the International Society for the Investigation of Stress*, 17(1), 25-40.

+ **Tạp chí/báo điện tử (electronic magazines or newspaper articles)**

Lanktree, C. L., & Brier, J. K. (2007, August 28). New Crime Legislation Criminal. *Nowherevill Times*. Retrieved from <http://nowherevilltimes.ca>

+ **Bài viết từ website**

Trochim, W. M. K. (2006, October 20). Statistical terms in sampling. In *Research methods knowledge base*. Retrieved October 19, 2007, from <http://www.socialresearchmethods.net/kb/sampstat.php>

+ **Bài viết từ ERIC (Education Resources Information Center)**

Dvorak, J., & Philips, K. D. (2001). *Job satisfaction of high school journalism educators*. Paper presented at the annual meeting of the Association of Education in Journalism and Mass Communication, Scholastic Journalism Division, Washington, D.C. (ERIC Document Reproduction Service No. ED456466).

+ **Trích dẫn những bài viết được đăng trong các hội thảo, hội nghị (Unpublished paper presented at a meeting, conferences)**

Lanktree, C. L., & Brier, J. K. (2007). *Early data on the Trauma Symptom Checklist for Children*. Paper presented at the meeting/conference of the American Professional Society on the Abuse of Children, San Diego, CA.

+ **Trích dẫn những bài viết được đăng trong các luận văn, luận án (Unpublished doctoral dissertation and master's thesis)**

Garskof, M. S. (2004). *Motivating teachers with nonfinancial incentive: The relationships of compensatory time, job, and the need to achieve to the job satisfaction of high school teachers in New York City*. Unpublished doctoral dissertation, New York University.

• **Liệt kê tài liệu tham khảo trong bài viết bằng tiếng Việt**

+ **Sắp xếp tài liệu theo thứ tự Alphabet tên của tác giả:** Tác giả tiếng Việt xếp theo tên, tác giả là tiếng nước ngoài xếp theo họ, cơ quan ra văn bản xếp chữ cái đầu tiên của cơ quan ra văn bản.

+ **Sách nguyên tác**

Phạm Đỗ Nhật Tiến và Phạm Lan Hương. (2014). *Giáo dục Việt Nam hội nhập quốc tế*. Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

+ **Sách được biên tập lại** (sách gồm các bài viết của nhiều tác giả được chỉnh các tác giả đó hoặc/và người khác biên tập lại)

Nguyễn Hồng Phan. (2014). Lý luận về định hướng giá trị nghề nghiệp của sinh viên ngành tâm lý học. Trong *Giáo dục và phát triển* (Biên tập: Hoàng Mai Khanh, Nguyễn Thành Nhân, Bùi Chí Bình, Nguyễn Thúy An) (tr. 310-322). Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

+ **Tạp chí khoa học chuyên ngành**

Lê Quang Sơn. (2010). Đào tạo giáo viên – Kinh nghiệm Cộng hòa liên bang Đức. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 5(40), 267-274.

+ **Nhật báo/Tạp chí in**

Hồ Thiệu Hùng. (5/02/2013). *Nghịch lý “Quốc sách hàng đầu”*. Báo Tiền Phong.

+ **Nhật báo/Tạp chí điện tử**

Dân Trí. (23/12/2013). *Hơn 100.000 sinh viên đại học (ra trường) thất nghiệp trong năm 2013*. Khai thác từ <http://dantri.com.vn/kinh-doanh/hon-100000-sinh-vien-dai-hoc-that-nghiep-trong-nam-2013-818928.htm>

+ **Website**

Phạm Thị Ly. (09/06/2006). *Đào tạo giáo viên ở vùng Đông Á*. Khai thác từ http://lypham.net/joomla/index.php?option=com_content&task=view&id=32&Itemid=2

+ **Trích dẫn những bài viết được đăng trong các hội thảo, hội nghị (nhưng không có xuất bản)**

Bùi Chí Bình. (2013). *Lợi thế tương đối và vốn con người trong bối cảnh toàn cầu hóa*. Được trình bày tại Hội thảo Quốc tế Giáo dục Việt Nam – Đài Loan, TP. Hồ Chí Minh.

+ **Trích dẫn những bài viết được đăng trong các luận văn, luận án sau đại học**

Nguyễn Thị Hào. (2007). *Thực trạng và thực nghiệm biện pháp tác động nhằm nâng cao hiệu quả Xê-mi-na tại trường ĐHKHXH&NV Tp.HCM*. Luận văn thạc sỹ, Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

**INSTRUCTIONS OF MANUSCRIPT PREPARATION
TO HUAF’S JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
IN ISSUES OF NATURAL SCIENCE AND TECHNOLOGY**

Pham Huu Ty¹, Tran Van An², Nguyen Thi Binh²

¹ Hue University – University of Agriculture and Forestry;

²College of Engineering Technology, Can Tho University.

Contact email: tapchidhnl@huaf.edu.vn

ABSTRACT

This section introduces briefly the objectives, contents, methodologies and main results of the research; which using Unicode, Times New Roman font with a maximum length of **250 words**, 10-pt size of the text. The abstract and keywords are written in English. These Vietnamese sections are placed at the top of the manuscript whereas on the other hand, the English section is placed at the end of the manuscript. Do not cite references in the abstract.

Key words: 10-pt font size, in alphabetical order, least 3, max 5 words.

Received: May 19, 2017

Reviewed: June 13, 2017

Accepted: June 16, 2017

